TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Nghệ thuật số**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Thời gian đào tạo: **4 năm**

Văn bằng: **Cử nhân**

Khóa đào tạo: **Khóa 21 (2025 - 2029)**

Tổng số tín chỉ tích luỹ toàn khoá: **126**

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

HỌC KỲ 1: 07 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 07, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**7**			
CB70107	Hiểu biết về DNTU (*)	1	15	15	0
CB70303	Kỹ năng Nói trước công chúng	1	15	15	0
CB71101	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	30	0
TA70301	Key English 1 (*)	3	45	45	0
TA70302	Key English 2 (*)	3	45	45	0
TA70303	Key English 3 (*)	3	45	45	0
TA70304	English Speaking Community (*)	2	30	30	0
NT70003	Nhập môn nghệ thuật số	2	45	15	30
NT70002	Phương pháp sáng tạo	2	45	15	30

HỌC KỲ 2: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 22, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**22**			
CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70301	Tin học ứng dụng I	2	45	15	30
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0

TA70305	Intensive English 1	4	60	60	0
NT70001	Ứng dụng AI trong nghệ thuật số	2	45	15	30
NT70004	Nguyên lý thị giác	2	60	0	60
NT70005	Thực hành hội họa số	2	60	0	60
NT70008	Nghệ thuật quay phim	2	60	0	60
TK70103	Điêu khắc mô hình	2	45	15	30
TK70110	Hình họa 1	2	60	0	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**0**			
CB71412	Bóng đá(*)	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền(*)	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông(*)	1	30	0	30
CB71410	Pickleball(*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 3: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 20, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**20**			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
CB70302	Tin học 2	2	45	15	30
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và xây dựng mối quan hệ	2	30	30	0
CB71401	Giáo dục thể chất I (Bơi lội) (*)	1	30	0	30
TA70306	Intensive English 2	4	60	60	0
NT70009	Nghệ thuật nhiếp ảnh số	2	60	0	60
NT70006	Thực hành điêu khắc số	2	60	0	60
TK70111	Hình họa 2	2	60	0	60
HỌC KỲ 4: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**18**			

CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1(*)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2(*)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3(*)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4(*)	2	60	0	60
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng Đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
NT70007	Nguyên lý thiết kế Website	2	45	15	30
NT70010	Từ kịch bản đến khung hình	2	60	0	60
NT70011	Hiệu ứng VFX	2	45	15	30
TK70105	Lịch sử mỹ thuật và thiết kế	2	45	15	30
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**0**			
CB71402	Giáo dục thể chất II (Bóng đá) (*)	1	30	0	30
CB71403	Giáo dục thể chất II (Bóng chuyền) (*)	1	30	0	30
CB71404	Giáo dục thể chất II (Cầu lông) (*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 5: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 21, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**21**			
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
NT70012	Dựng phim trên phần mềm Cinema 4D và Blender	2	45	15	30
NT70013	Đồ họa chuyển động	2	45	15	30
NT70014	Xây dựng câu chuyện thông qua kỹ thuật số	3	75	15	60
NT70015	Kể chuyện tương tác	3	75	15	60
NT70016	Hiệu ứng VFX nâng cao	3	75	15	60
Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		**0**			
CB71405	Giáo dục thể chất III (Fitness) (*)	1	30	0	30

CB71406	Giáo dục thể chất III (Dancesport) (*)	1	30	0	30
CB71407	Giáo dục thể chất III (Bóng rổ) (*)	1	30	0	30
CB71408	Giáo dục thể chất III (Võ thuật) (*)	1	30	0	30
HỌC KỲ 6: 24 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 24, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**24**			
TK70121	Thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng	3	75	15	0
NT70017	Thực hành hội họa số nâng cao	3	75	15	60
NT70018	Thực hành điêu khắc số nâng cao	3	75	15	60
NT70101	Nền tảng công nghệ và thiết kế game	3	75	15	60
NT70102	Diễn hoạt cho game	3	75	15	60
NT70103	Quy trình sản xuất công nghệ game	3	75	15	60
NT70104	Thiết kế nhân vật game	3	75	15	60
NT70105	Tâm lý game	3	75	15	60
Học phần tự chọn (Chọn 0 trong 0 học phần)		**0**			
HỌC KỲ 7: 04 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Học phần bắt buộc		**4**			
NT71101	Lý thuyết game	2	45	15	30
NT71102	Kinh doanh thể thao điện tử (esport)	2	45	15	0
HỌC KỲ 8: 10 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 10, tự chọn: 0)					
Mã học phần	**Tên học phần**	**Số tín chỉ**	**Tổng số tiết**	**Tiết lý thuyết**	**Tiết thực hành**
Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp		***4***			
NT70106	Thực tập tốt nghiệp	4	240	0	0
Khóa luận tốt nghiệp		***6***			
NT70107	Đồ án tốt nghiệp/thay thế tốt nghiệp	6	165	15	0